

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Quý II 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	05
2. Tình hình xuất nhập khẩu	08
3. Diễn biến giá	12
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	15
1. Sản xuất	16
2. Xuất khẩu	16
3. Diễn biến giá	18
4. Tình hình nhập khẩu	20
Phần III: Dự báo	21
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	23
Phần V: Chính sách	26
Phụ lục	29

Viết tắt, giải nghĩa

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

DA: Bộ Nông nghiệp Philippines

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

IGC: Hội đồng ngũ cốc quốc tế

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Trong báo cáo tháng 7, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) tiếp tục nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 lên mức kỷ lục 528,2 triệu tấn (xay xát), tăng 7,3 triệu tấn so với niên vụ trước. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến cũng tăng 4,2 triệu tấn lên 527,3 triệu tấn. Như vậy, sản lượng sẽ vượt tiêu thụ khoảng hơn 900.000 tấn.
- Theo dữ liệu của chính phủ Ấn Độ, tổng xuất khẩu gạo của nước này đã giảm 21% so với một năm trước đó, xuống còn 2,9 triệu tấn trong hai tháng đầu năm tài chính, bắt đầu từ ngày 1/4. Ấn Độ đang xem xét nới lỏng các hạn chế xuất khẩu một số loại gạo để tránh tình trạng dư thừa trong nước trước khi vụ mùa mới xuất hiện trên thị trường vào tháng 10.
- Tính đến ngày 4/7, nhập khẩu gạo của Philippines đã vượt 2,3 triệu tấn, tăng 24,4% so với lượng gạo nhập khẩu trong nửa đầu năm ngoái. Trong đó, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với hơn 1,7 triệu tấn, chiếm 74,1% thị phần. Tuy nhiên, Philippines cũng đang đẩy mạnh nhập khẩu từ các nhà cung cấp khác như Thái Lan, Pakistan...
- Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) đã giảm khoảng 1% trong quý II và giảm tổng cộng 4,3% trong 6 tháng đầu năm. Tính riêng trong tháng 6 chỉ số giá đạt 136,6 điểm, giảm 0,6% so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Cập nhật đến nửa đầu tháng 7, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam chạm đáy 1 năm qua và Thái Lan giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 4 do nhu cầu yếu, khi thị trường chờ đợi khả năng nới lỏng các hạn chế từ nước xuất khẩu hàng đầu là Ấn Độ.
- Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý II đạt gần 2,4 triệu tấn, trị giá 1,46 tỷ USD. Tính chung 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo đạt kỷ lục 4,55 triệu tấn, với trị giá thu về gần 2,9 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng, tăng 28,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường xuất khẩu chính vẫn là Philippines, Indonesia, Malaysia, Ghana.
- Trong quý II, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 618 USD/tấn, giảm 5,6% so với quý I song tăng 15,4% so với quý II năm 2023. Nếu so với giá đỉnh đạt được vào tháng 1 năm nay thì giá gạo giao dịch của Việt Nam trên thị trường thế giới những tháng gần đây có giảm nhưng mặt bằng chung vẫn cao hơn các năm.
- Mặt bằng giá gạo xuất khẩu và nội địa Việt Nam trong nửa cuối năm 2024 được cho là sẽ thấp hơn cùng kỳ năm trước nếu Ấn Độ nới lỏng các biện pháp hạn chế xuất khẩu gạo. Tuy nhiên, xuất khẩu dự kiến sẽ vẫn thuận lợi do nhu cầu của các đối tác chính vẫn ở mức cao, trong khi chủng loại và phân khúc thị trường tiêu thụ của Việt Nam cũng không cạnh tranh trực tiếp với Ấn Độ.

Phần I:

Thị trường gạo thế giới



Trong quý II và 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Ấn Độ sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi sự gia tăng mạnh mẽ được nhìn thấy ở Thái Lan, Việt Nam, Pakistan... Trên thị trường, giá gạo đang có xu hướng giảm sau khi có thông tin Ấn Độ xem xét nới lỏng các hạn chế xuất khẩu mặt hàng lương thực này.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 7, USDA tiếp tục nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 lên mức kỷ lục 528,2 triệu tấn (xay xát), tăng 547.000 tấn so với dự báo trước và tăng 7,3 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024.

Trung Quốc, quốc gia sản xuất gạo lớn nhất thế giới, dự kiến sẽ có một vụ mùa bội thu với 146 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025, tăng gần 1,4 triệu tấn so với niên vụ trước.

Tiếp theo là Ấn Độ và Bangladesh, với sản lượng đạt lần lượt là 138 triệu tấn và 38 triệu tấn, tăng 1 triệu tấn ở mỗi quốc gia so với niên vụ 2023-2024. Ngoài ra, sản lượng của Indonesia dự kiến sẽ phục hồi và tăng 980.000 tấn lên 34 triệu tấn.

USDA cũng dự báo sản lượng tăng ở hầu hết nước sản xuất khác như Brazil, Campuchia, Thái Lan... Sản lượng gia tăng ở các quốc gia này dự kiến sẽ bù đắp cho mức giảm ở Ai Cập, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Theo USDA, điều kiện thời tiết trở lại bình thường ở các quốc gia trong niên vụ 2024-2025, với hiện tượng El Niño tác động xấu đến

mùa màng ở Đông Nam Á dự kiến sẽ kết thúc vào đầu mùa Hè.

Với dự báo này, tổng nguồn cung gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 được dự báo ở mức 705,4 triệu tấn, tăng 5,3 triệu tấn so với niên vụ trước và là mức tăng đầu tiên kể niên vụ 2021-2022.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 cũng được dự báo ở mức kỷ lục 527,3 triệu tấn, tăng 834.000 tấn so với dự báo trước và tăng 4,2 triệu tấn so với một năm trước. Như vậy, nhu cầu tiêu thụ sẽ thấp hơn 903.000 tấn so với sản lượng trong niên vụ 2024-2025.

Chủ yếu là do tiêu thụ của Ấn Độ tăng 2,5 triệu tấn so với niên vụ trước lên mức kỷ lục 120 triệu tấn. Sự gia tăng mạnh mẽ này được thúc đẩy bởi kỳ vọng rằng hệ thống phân phối công cộng của Chính phủ Ấn Độ, nơi cung cấp ngũ cốc lương thực được trợ cấp cho khoảng 800 triệu công dân để đảm bảo an ninh lương thực, sẽ tiếp tục trong năm 2024-2025 với nguồn cung gạo lớn hơn.

Tại Philippines, tiêu thụ gạo niên vụ 2024-2025 được dự báo đạt 17,5 triệu tấn, tăng 600.000 tấn so với niên vụ 2023-2024 và là mức cao nhất đạt được kể từ trước đến nay. Tăng trưởng tiêu thụ tại Philippines được thúc đẩy bởi sự gia tăng dân số mạnh mẽ và mức sử dụng bình quân đầu người tăng.

Mức tiêu thụ dự kiến cũng sẽ tăng 400.000 tấn và 94.000 tấn và đạt kỷ lục mới ở Bangladesh và Mỹ.

Trong khi đó, tiêu thụ của Trung Quốc được dự báo sẽ giảm mạnh 3,2 triệu tấn xuống chỉ còn 145 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025.

c. Tồn kho

Theo USDA, lượng tồn kho cuối kỳ toàn cầu năm vụ 2024-2025 dự kiến là 178 triệu tấn, tăng 903.000 tấn so với niên vụ trước và là mức tăng đầu tiên kể từ năm 2020-2021.

Lượng dự trữ toàn cầu lớn hơn dự kiến trong vụ 2024-2025 là kết quả của một vụ mùa kỷ lục trên toàn cầu. Trong đó, Trung Quốc chiếm phần lớn mức tăng dự kiến trong dự trữ toàn cầu năm 2024-2025, với lượng dự trữ cuối kỳ dự báo tăng 1 triệu tấn lên 104 triệu tấn, mức tăng đầu tiên kể từ niên vụ 2019-2020. Mức tăng này dựa trên một vụ mùa lớn hơn và nhu cầu tiêu thụ trong nước yếu hơn đáng kể, đã bù đắp cho lượng dự trữ nhỏ hơn ở đầu vụ và nhập khẩu giảm.

Lượng dự trữ cuối kỳ của Ấn Độ trong niên vụ 2024-2025 dự kiến sẽ vẫn ở mức 38,5 triệu tấn, không thay đổi so với năm trước, vì một vụ mùa kỷ lục và lượng dự trữ lớn hơn bù đắp cho mức sử dụng trong nước tăng cao và xuất khẩu mở rộng.

Trong niên vụ 2024-2025, Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau chiếm khoảng 80% lượng dự trữ cuối kỳ toàn cầu. Tỷ lệ dự trữ/sử dụng toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 được dự báo là 33,8%, không thay đổi so với vụ trước nhưng thấp hơn mức được tính toán cho giai đoạn 2017-2018 đến 2022-2023 (**Biểu đồ 1**).

d. Thương mại

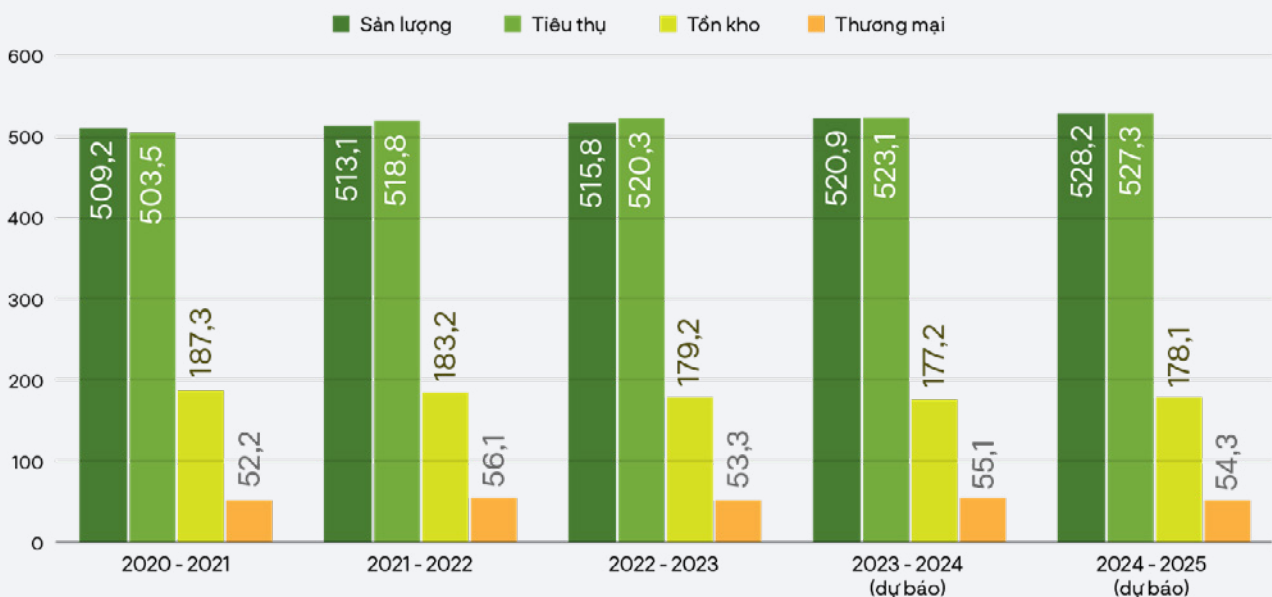
Thương mại gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2025 được USDA dự báo là 54,3 triệu tấn, giảm 829.000 tấn so với niên vụ trước.

Nhập khẩu toàn cầu giảm vào năm 2025 chủ yếu là do Brazil, Trung Quốc, Indonesia, Iraq và Kenya giảm mua. Trong đó, nhập khẩu của Indonesia dự kiến giảm mạnh nhất, với 2 triệu tấn xuống còn 1,5 triệu tấn do sản xuất phục hồi.

Ngược lại, nhập khẩu dự kiến sẽ tăng và đạt mức cao kỷ lục vào năm 2025 đối với Việt Nam, Ả Rập Xê Út, Mỹ...

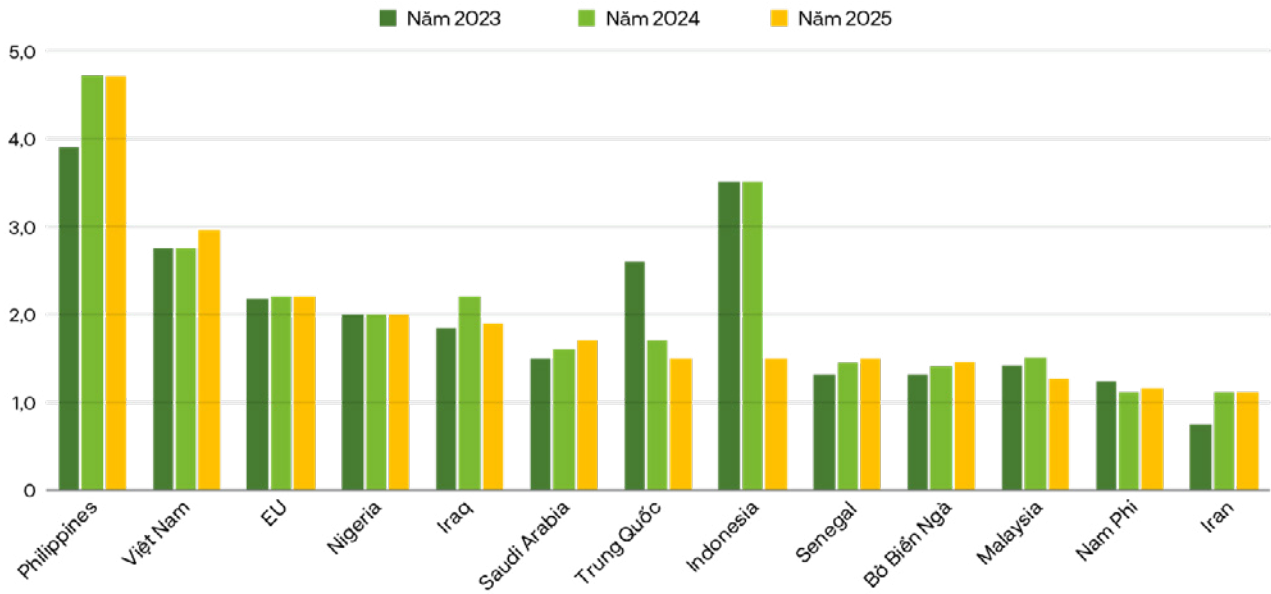
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2020 – 2021 đến 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



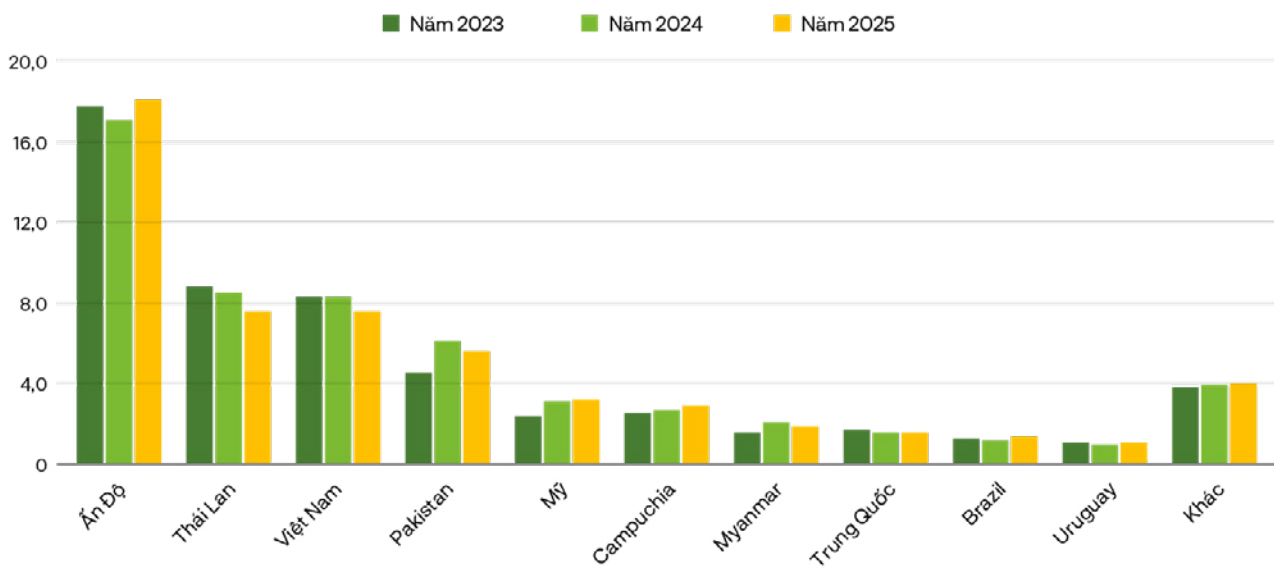
Biểu đồ 2: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 3: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Năm 2025, Philippines dự kiến tiếp tục là nhà nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới với khối lượng dự kiến ở mức kỷ lục 4,7 triệu tấn, tương đương năm 2024 và tăng mạnh so với mức 3,9 triệu tấn của năm 2023 (**Biểu đồ 2**).

Về xuất khẩu, Argentina, Brazil, Campuchia, Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, Paraguay, Mỹ và Uruguay đều dự kiến sẽ mở rộng xuất khẩu năm 2025, chủ yếu là do nguồn cung lớn hơn và giá giao dịch toàn cầu tiếp tục ở mức cao.

Xuất khẩu của Ấn Độ được dự báo sẽ tăng mạnh nhất, tăng 1 triệu tấn so với năm 2024 lên 18 triệu tấn trong năm 2025, chiếm một phần ba thương mại toàn cầu. Ngược lại, lượng gạo xuất khẩu của Thái Lan, Việt Nam và Pakistan dự kiến sẽ giảm lần lượt là 1 triệu tấn, 800.000 tấn và 500.000 tấn vào năm 2025 do nguồn cung hạn hẹp (**Biểu đồ 3**).

Về niên vụ hiện tại 2023-2024, sản lượng gạo toàn cầu dự kiến đạt 520,9 triệu tấn, tăng gần

5 triệu tấn so niên vụ trước và chỉ đứng thứ hai sau vụ mùa 2024-2025 chưa thu hoạch.


Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ dự báo đạt 523,1 triệu tấn, tăng 903.000 tấn so với niên vụ trước và vượt 2,2 triệu tấn so với sản lượng. Trên cơ sở hàng năm, mức tiêu thụ trong niên vụ 2023-2024 dự kiến sẽ tăng tại Bangladesh, Brazil, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Pakistan, Ả Rập Saudi, Sri Lanka, Thái Lan, Mỹ và Việt Nam, bù đắp cho mức tiêu thụ giảm tới 6,77 triệu tấn tại Trung Quốc và mức giảm dài hạn ở Nhật Bản và Hàn Quốc.

Dự kiến lượng tồn kho cuối kỳ toàn cầu năm 2023-2024 là 177,2 triệu tấn, giảm 2,2 triệu tấn so với năm trước và là năm thứ ba liên tiếp giảm.

Thương mại gạo toàn cầu năm 2024 tiếp tục bị hạn chế bởi lệnh cấm xuất khẩu và hạn chế của Ấn Độ được thực hiện vào tháng 9/2022, sau đó là vào tháng 7 và tháng 8/2023 làm giảm nguồn cung xuất khẩu và làm tăng giá giao dịch toàn cầu. Một số nhà xuất khẩu lớn trên toàn cầu đã mở rộng các lô hàng vào năm 2023 và 2024 để bù đắp cho các lô hàng giảm của Ấn Độ.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo Bloomberg, Ấn Độ có thể nới lỏng các hạn chế xuất khẩu một số loại gạo để tránh tình trạng dư thừa trong nước trước khi vụ mùa mới xuất hiện trên thị trường vào tháng 10.


Theo đó, Chính phủ Ấn Độ đang xem xét cho phép xuất khẩu gạo trắng với mức thuế cố định. Các cơ quan chức năng cũng có thể bãi bỏ mức thuế 20% đối với xuất khẩu gạo đỏ và

thay vào đó áp dụng mức thuế cố định để ngăn chặn việc lập hóa đơn thấp cho hàng hóa.

Động thái trên có thể giúp hạ nhiệt giá gạo ở châu Á, vốn đã đạt mức cao nhất hơn 15 năm vào tháng 1 sau động thái của Ấn Độ hạn chế xuất khẩu các loại gạo chính từ năm 2023. Đây cũng sẽ là tin tốt cho một số quốc gia ở Tây Phi và Trung Đông vốn phụ thuộc vào quốc gia Nam Á này để đáp ứng hầu hết các yêu cầu về lương thực thiết yếu.

Theo dữ liệu của chính phủ Ấn Độ, tổng xuất khẩu gạo của nước này đã giảm 21% so với một năm trước đó, xuống còn 2,9 triệu tấn trong hai tháng đầu năm tài chính, bắt đầu từ ngày 1/4. Trong đó, xuất khẩu gạo non-basmati giảm 32%, xuống 1,93 triệu tấn so với cùng kỳ.

Nông dân Ấn Độ đang gieo cấy vụ lúa chính trong năm khi mùa gió mùa bắt đầu tại nước này từ cuối tháng 6. Việc gieo trồng, chăm sóc lúa sẽ lên cao điểm vào tháng 7 và thu hoạch từ cuối tháng 9. Theo Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, diện tích trồng lúa tại nước này đạt 6 triệu ha tính đến ngày 8/7, tăng 19% so với một năm trước đó.

 **Thái Lan:** Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA), xuất khẩu gạo của Thái Lan trong 5 tháng đầu năm nay tăng 16,5% so với cùng kỳ năm ngoái, lên 4,06 triệu tấn, trị giá 94,6 tỷ Baht.


Ước tính 6 tháng đầu năm xuất khẩu gạo đạt khoảng 5 triệu tấn, do nhu cầu trên thị trường thế giới tăng cao, nhiều quốc gia đang đứng trước nguy cơ mất an ninh lương thực. Bên cạnh đó, việc đồng Baht mất giá ở mức 36-37 Baht đổi 1 USD, giúp tăng khả năng cạnh tranh của giá gạo Thái Lan trên thị trường quốc tế trong bối cảnh Ấn Độ vẫn hạn chế xuất khẩu gạo trắng.

Nửa đầu năm nay, Indonesia là nước nhập khẩu gạo số một của Thái Lan, với khối lượng vào khoảng 1 triệu tấn gạo trắng 5% tẩm.

Tuy nhiên, xuất khẩu gạo trong quý III/2024 dự kiến sẽ giảm so với nửa đầu năm 2024. Nguyên nhân là bởi giá gạo Thái Lan tương đối cao hơn nhiều so với giá gạo do Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan sản xuất, đồng thời sự chênh lệch giá này đã thúc đẩy Philippines và Indonesia tăng nhập khẩu gạo từ Việt Nam.

Ngoài ra, nguồn cung đang tăng lên bởi đây cũng là thời điểm thu hoạch của một số nước như Việt Nam, Ấn Độ, Pakistan hay Myanmar. Trong khi đó, Ấn Độ đã phát đi tín hiệu sẽ nối lại xuất khẩu gạo trắng trong quý 4 năm nay, qua đó sẽ cạnh tranh thị phần và kéo theo đó là giá gạo trên thị trường thế giới có xu hướng giảm.

Để hỗ trợ sản xuất, nội các Thái Lan vừa qua đã phê duyệt gói ngân sách 29,9 tỷ baht (810 triệu USD) để hỗ trợ chi phí mua phân bón cho nông dân, trong bối cảnh sản lượng lúa gạo trong mùa thu hoạch này dự kiến tăng 10%.

 **Pakistan:** Dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Pakistan (PBS) cho thấy, xuất khẩu gạo từ Pakistan - quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ tư thế giới, đạt gần 5,6 triệu tấn trong 11 tháng tính từ tháng 7/2023 đến tháng 5/2024, tăng gần 60% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị xuất khẩu gạo của Pakistan đã tăng từ 2 tỷ USD lên 3,6 tỷ USD trong giai đoạn này. Như vậy, xuất khẩu gạo của nước này đã vượt qua kỷ lục trước đó là xuất khẩu 4,8 triệu tấn gạo, trị giá khoảng 2,5 tỷ USD trong năm tài chính 2021-2022.

Với việc Ấn Độ áp đặt các hạn chế xuất khẩu, Pakistan nổi lên như một lựa chọn thay thế chi

phí thấp... Nhiều điểm đến nhạy cảm về giá ở châu Phi đã chuyển sang Pakistan để đáp ứng nhu cầu.

Chính phủ Pakistan cho biết nước này đã sản xuất gần 10 triệu tấn gạo trong 9 tháng tính đến cuối tháng 3, so với 7,3 triệu tấn cùng kỳ năm trước.



Campuchia: Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo xay xát của nước này đạt 338.654 tấn, trị giá 247 triệu USD, tăng 2,7% về lượng và tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Gạo của Campuchia được xuất khẩu 63 quốc gia và khu vực. Trong đó, xuất khẩu sang EU là 156.789 tấn, Trung Quốc đạt 75.398 tấn, ASEAN đạt 74.554 tấn. Các loại gạo xuất khẩu bao gồm gạo thơm, gạo trắng, gạo đỏ và gạo hữu cơ.

Ngoài ra, Campuchia đã thu về 727 triệu USD từ việc xuất khẩu hơn 2,5 triệu tấn lúa sang các nước láng giềng trong nửa đầu năm nay.

Song Saran, Tổng Giám đốc điều hành của Amru Rice (Campuchia) và Chủ tịch Hội đồng quản trị CRF, cho rằng sự gia tăng xuất khẩu gạo là do kỹ thuật canh tác hạt giống chất lượng tốt hơn, giúp tăng năng suất để đáp ứng nhu cầu thị trường.

CRF đã đặt ra mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo xay xát vào năm 2025. Chủ tịch CRF, Chan Sokheang, cho biết với chiến lược xuất khẩu tập trung vào việc mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất và lưu trữ cũng như nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo có thể đạt được, theo *Khmertimeskh*.

b. Nhập khẩu



Philippines: Theo Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), tính đến ngày 4/7 nhập khẩu gạo của Philippines đã vượt 2,3 triệu tấn, tăng 24,4% so với lượng gạo nhập khẩu trong nửa đầu năm ngoái.

Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn nhất cho Philippines với hơn 1,7 triệu tấn, chiếm 74,1% tổng nhập khẩu gạo của nước này. Tuy nhiên, thị phần gạo của Việt Nam tại Philippines đã giảm so với mức gần 83% của năm 2023.

Trong khi đó, nhập khẩu từ Thái Lan tăng vọt lên 352.332 tấn, chiếm 15,2% thị phần; Pakistan đạt 151.319 tấn, chiếm 6,5%... vượt xa mức 345.294 tấn và 99.281 tấn của cả năm 2023. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), do giá toàn cầu tăng và nguồn cung xuất khẩu tại Việt Nam thắt chặt hơn, Philippines đã mở rộng một số giao dịch mua sang các nhà cung cấp khác (**Biểu đồ 4**).

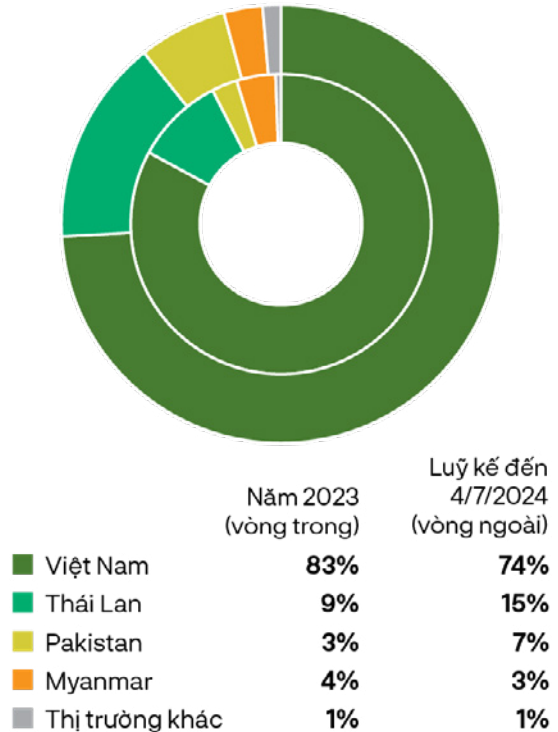
Philippines là nước tiêu thụ gạo lớn và đã trở thành nước nhập khẩu gạo số một thế giới trong những năm gần đây với những thay đổi chính sách theo hướng thúc đẩy nhập khẩu.

USDA dự báo nhập khẩu gạo của Philippines sẽ tăng từ 3,9 triệu tấn của năm 2023 lên mức kỷ lục 4,7 triệu tấn trong năm 2024 và 2025. Nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng kết hợp với thuế nhập khẩu được điều chỉnh giảm từ 35% xuống 15% sẽ thúc đẩy các hoạt động nhập khẩu gạo của Philippines trong thời gian tới.

USDA cho biết, người tiêu dùng Philippines đang được hưởng lợi từ việc thuế quan hóa với nguồn cung gạo giá rẻ hơn, dẫn đến mức tiêu thụ tăng từ 14,4 triệu tấn trong niên vụ 2019-2020 lên mức dự báo là 17,5 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025.

Biểu đồ 4: Cơ cấu các thị trường xuất khẩu gạo vào Philippines năm 2023 và lũy kế đến 4/7/2024

Đơn vị: % tính theo khối lượng. Nguồn: Tổng hợp từ BPI.



Sản xuất lúa gạo của Philippines cũng đang bị ảnh hưởng tiêu cực bởi thời tiết khắc nghiệt. Theo Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), sản lượng lúa của Philippines trong quý II năm 2024 ước đạt 3,89 triệu tấn, giảm khoảng 8,4% so với ước tính 4,25 triệu tấn trong cùng thời điểm của năm 2023 do tác động của El Nino.



Trung Quốc: Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 5 tháng đầu năm, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 650.000 tấn gạo, giảm mạnh 52,2% so với cùng kỳ năm 2023. Sự sụt giảm này là do ảnh hưởng bởi các hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ và giá gạo quốc tế tăng cao.

Trong đó, Việt Nam tiếp tục là thị trường cung cấp gạo lớn nhất vào Trung Quốc trong 5 tháng đầu, với khối lượng đạt 196.645 tấn, trị giá 115,58 triệu USD. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm ngoái xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị


trường này đã giảm mạnh 67,5% về lượng và 66,9% về trị giá.

Tương tự, Trung Quốc cũng giảm nhập khẩu gạo từ hầu hết các thị trường khác như: Thái Lan đạt 178.489 tấn, giảm 6,2%; Myanmar đạt 171.014 tấn, giảm 52,1%; Campuchia giảm 48,9%...

Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam sang Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm tăng nhẹ lên 1,6% lên mức bình quân 588 USD/tấn, cao hơn so với 463 USD/tấn của Myanmar, nhưng thấp hơn so với mức 701 USD/tấn của Thái Lan, 669 USD/tấn của Campuchia...

Về sản xuất, Cơ quan Khí tượng Trung Quốc (CMA) dự báo một đợt nắng nóng kéo dài ở các khu vực miền Đông, miền Trung và miền Nam nước này trong tháng 7, ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo của nước này.

Còn theo SCMP, mưa lớn tại các vùng sản xuất vụ lúa sớm chính của Trung Quốc dự kiến sẽ ảnh hưởng đến vụ thu hoạch đầu vụ. Vụ Lúa sớm được trồng ở miền Đông và miền Nam đất nước và chiếm khoảng 13% tổng sản lượng lúa cả nước. Nông dân đang lo ngại năng suất lúa vụ lúa sớm sẽ giảm đáng kể, ảnh hưởng đến sản lượng chung của năm nay.

 **Indonesia:** Cơ quan Thống kê Trung ương (BPS) cho biết, nhập khẩu gạo của Indonesia trong 5 tháng đầu năm đạt 2,2 triệu tấn, tăng tới 165,27% so với con số 854 nghìn tấn của cùng kỳ năm ngoái.

Hầu hết gạo nhập khẩu của Indonesia đều đến từ Thái Lan, tiếp theo là một số nước khác như Việt Nam, Pakistan, Ấn Độ và Campuchia.

Cụ thể, lượng gạo nhập khẩu từ Thái Lan đạt 918.902 tấn, tăng gấp 2,3 lần cùng kỳ và chiếm 40,5% thị phần; Việt Nam đạt 624.741

tấn, tăng 70,6% và chiếm 27,6%; đáng chú ý, lượng gạo nhập khẩu từ hai quốc gia Pakistan và Myanmar tăng đột biến 12 lần và 52 lần so với cùng kỳ năm ngoái...

Theo BPS, sản lượng gạo của Indonesia từ tháng 1 đến tháng 8 năm nay ước tính đạt 21,39 triệu tấn, giảm 9,52% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích trồng lúa của cả nước dự kiến sẽ giảm 7,5% xuống còn 7,24 triệu ha, do ảnh hưởng bởi hiện tượng thời tiết El Nino từ năm ngoái.

Dữ liệu của BPS cho thấy người dân Indonesia hiện nay đã ăn ít gạo hơn so với một số năm trước. Mức tiêu thụ bình quân đầu người đã giảm từ 1,7 kg/tuần vào năm 2007 xuống còn 1,5 kg/tuần vào năm 2023. Tuy nhiên, tổng mức tiêu thụ gạo cả nước vẫn tăng do dân số tăng. Điều đó khiến Indonesia bị phụ thuộc vào số lượng hàng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước.

Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia (Bapanas) dự đoán rằng Chính phủ có thể sẽ phải nhập khẩu tới 5 triệu tấn gạo trong năm nay, đây sẽ là một con số kỷ lục. Tuy nhiên, cho đến nay mới có 3,6 triệu tấn hạn ngạch được cấp cho việc nhập khẩu gạo.



EU: Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), EU đã nhập khẩu 726.617 tấn gạo từ thị trường ngoại khối trong 4 tháng đầu năm, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn cung gạo cho EU chủ yếu đến từ khu vực châu Á, đứng đầu là Myanmar với 241.889 tấn, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái; tiếp theo là Pakistan đạt 113.601 tấn, giảm 18,7%; tiếp đến là Campuchia đạt 88.076 tấn, tăng 18,9%; Thái Lan đạt 64.345 tấn, giảm 16,9%; Ấn Độ đạt 64.263 tấn, giảm 30,9%.

Việt Nam đứng thứ 7 về thị trường xuất khẩu gạo ngoại khối vào EU trong 4 tháng đầu năm, đạt 28.485 tấn, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù vậy, thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu gạo ngoại khối của EU tăng nhẹ lên mức 3,9% từ mức 3,7% của cùng kỳ năm ngoái.

Nhìn chung EU giảm nhập khẩu từ hầu hết các nhà cung cấp hàng đầu tại châu Á trong những tháng đầu năm 2024.

Ngoài ra, EU cũng nhập khẩu gạo từ các quốc gia thuộc khu vực Nam Mỹ như: Uruguay (+14,7%), Guyana (+15,6%)...

EU đảm bảo được khả năng tự cung đối với giống gạo hạt tròn Japonica. Song khu vực này phụ thuộc vào nhập khẩu cho gạo hạt dài Indica, hạt dài đặc sản, như Basmati và Jasmine từ Ấn Độ và Pakistan, Thái Lan và các dòng gạo xát phục vụ chế biến, nhà hàng từ Campuchia, Myanmar, Việt Nam.

Hiện tại Việt Nam và EU đang trao đổi về danh sách gạo thơm được nhập vào EU theo Hiệp định EVFTA với mức thuế ưu đãi hơn. Nên ngoài mức thuế EVFTA, gạo Việt Nam sẽ cạnh tranh hạn ngạch thuế quan chung so với các nước.

3 Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) đã giảm khoảng 1% trong quý II và giảm tổng cộng 4,3% trong 6 tháng đầu năm. Tính riêng trong tháng 6 chỉ số giá đạt 136,6 điểm, giảm 0,6% so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 6, giá gạo Indica và gạo thơm ổn định hoặc giảm nhẹ, trong khi giá Japonica giảm khoảng 4,5% so với tháng trước xuống mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021 do nhu cầu yếu. Riêng giá gạo nếp tăng 1,8% so với tháng trước do nguồn cung khan hiếm.

Với gạo Indica, thị trường nhìn chung trầm lắng do thiếu nhu cầu mới. Giá gạo Thái Lan và Pakistan tăng do các thỏa thuận đã được ký kết trước đó. Còn tại Ấn Độ, giá gạo đồ tăng sau khi kết thúc vụ thu hoạch Rabi/vụ Hè và nhu cầu mua tăng từ người mua thường xuyên.

Trong khi đó, giá gạo tại Việt Nam đã giảm 2-3% so với tháng trước do vụ thu hoạch Hè Thu đang diễn ra. Ngoài ra, nhu cầu từ Philippines giảm khi người mua trì hoãn cho đến khi có thông tin rõ ràng về thay đổi thuế quan vào cuối tháng cũng góp phần làm giảm giá (**Bảng 1**).

Cập nhật đến nửa đầu tháng 7, giá gạo xuất khẩu từ Việt Nam và Thái Lan có xu hướng giảm do nhu cầu yếu, khi thị trường chờ đợi khả năng nới lỏng các hạn chế từ nước xuất khẩu hàng đầu là Ấn Độ.

Tính đến ngày 15/7, giá gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 565-570 USD/tấn, mức thấp nhất trong 1 năm qua và giảm so với mức 575 USD/tấn trước đó. Doanh số bán vẫn chậm vì người mua kỳ vọng Ấn Độ sẽ nới lỏng các hạn chế đối với xuất khẩu gạo.

Gạo 5% tấm của Thái Lan cũng giảm xuống mức 570 - 575 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tuần trước và giảm tới 55 USD/tấn so với một tháng trước. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ đầu tháng 4.

Một thương nhân ở Bangkok cho biết không có đơn hàng lớn nào được giao dịch và nguồn cung mới đang được bổ sung vào thị trường.

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới trong quý II/2024

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)			Thay đổi của tháng 6/2024 so với (%)		
		4/2024	5/2024	6/2024	5/2024	Đầu năm 2024	6/2023
Ấn Độ	Basmati	1.400	1.400	1.400	0,0	0,0	▼ 9,7
	Gạo đỏ 5% tấm	525	520	540	▲ 3,8	▲ 2,0	▲ 36,2
Pakistan	Basmati	959	907	900	▼ 0,8	▼ 11,5	▼ 27,7
	Trắng 25% tấm	521	532	533	▲ 0,2	▼ 3,6	▲ 17,9
	Trắng 5% tấm	574	583	580	▼ 0,4	▼ 6,7	▲ 18,6
Thái Lan	Trắng 100% tấm	606	642	646	▲ 0,7	▼ 4,3	▲ 22,4
	Trắng 25% tấm	564	593	595	▲ 0,3	▼ 4,2	▲ 20,0
	A1 Super	468	476	469	▼ 1,4	▼ 4,1	▲ 7,9
	Hom Mali	878	917	932	▲ 1,7	▲ 4,4	▲ 4,0
	Nếp 10% tấm	759	790	812	▲ 2,8	▼ 0,1	▲ 8,5
	Đỏ 100%	600	633	624	▼ 1,3	▼ 4,0	▲ 19,3
Việt Nam	Nếp 10% tấm	588	585	589	▲ 0,6	▼ 0,3	▲ 12,5
	Trắng 25% tấm	540	543	532	▼ 2,1	▼ 11,3	▲ 14,3
	Trắng 5% tấm	568	568	549	▼ 3,3	▼ 13,5	▲ 12,7
	Thơm 5% tấm	607	614	589	▼ 4,0	▼ 15,9	▲ 13,3
Campuchia	Thơm 5% tấm	909	929	929	0,0	▲ 6,7	▲ 24,4
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	965	965	915	▼ 5,2	▼ 10,7	▼ 43,3
	Calrose 4% tấm	780	782	785	▲ 0,4	▲ 7,4	▲ 9,6
Argentina	Trắng 5% tấm	707	784	825	▲ 5,2	▲ 1,9	▲ 43,0
Brazil	Trắng 5% tấm	755	784	815	▲ 4,0	▼ 11,4	▲ 29,8
Uruguay	Trắng 5% tấm	739	809	822	▲ 1,7	▼ 6,9	▲ 35,3

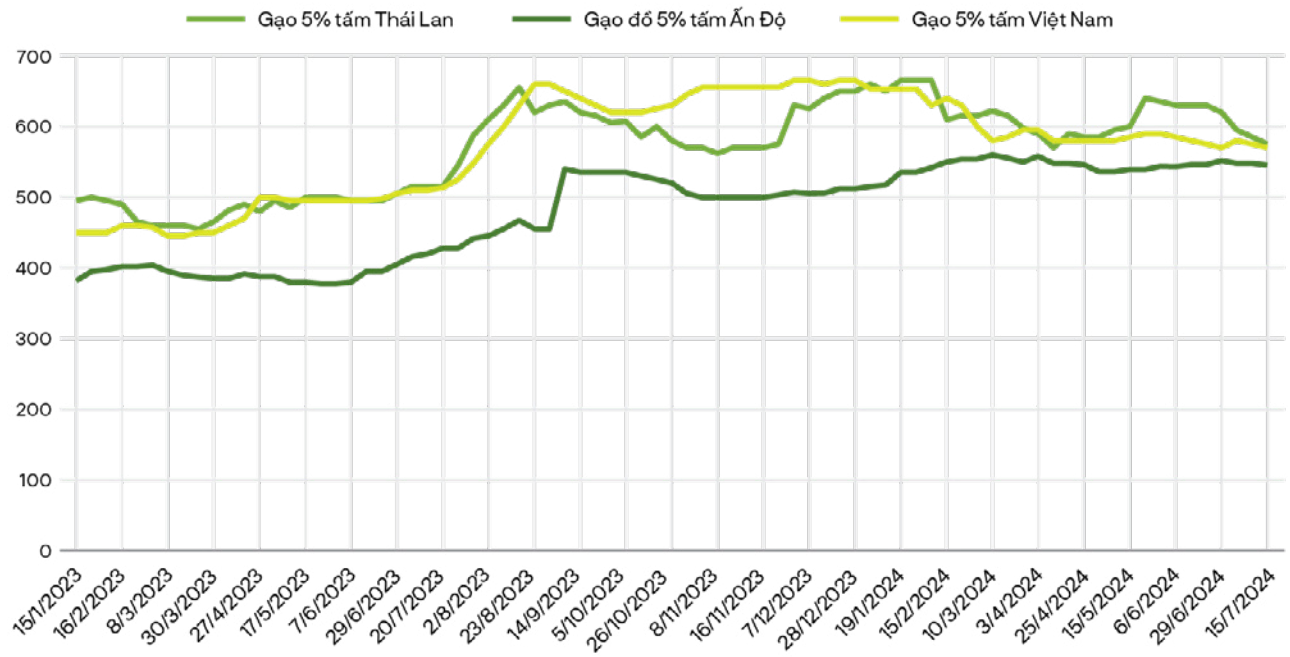
Còn tại Ấn Độ, giá gạo đỏ 5% tấm đang được báo giá ở mức 539-545 USD/tấn, giảm so với mức 541-548 USD/tấn của tuần trước đó do nhu cầu chậm lại vì giá cước vận chuyển tăng cao và đồng Rupee mất giá (**Biểu đồ 5**).

“Nhu cầu có phần yếu trong vài tuần qua. Người mua đang hoãn mua hàng sau khi mua mạnh vào tháng 5”, một nhà xuất khẩu có trụ sở tại Kakinada ở phía nam bang Andhra Pradesh cho biết.

Trong khi đó, giá gạo nội địa của Bangladesh vẫn ở mức cao mặc dù vụ thu hoạch thuận lợi và dự trữ dồi dào, gây áp lực cho người tiêu dùng. Tình hình có thể trở nên tồi tệ hơn vì lũ lụt đã nhấn chìm một diện tích lớn đất trồng trọt, có khả năng ảnh hưởng đến sản lượng lúa trong thời gian tới.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2023 đến ngày 15/7/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Phần II:

Thị trường gạo Việt Nam



Xuất khẩu gạo của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khả quan trong quý II và 6 tháng đầu năm 2024. Trong khi đó, giá gạo xuất khẩu dù đã hạ nhiệt từ mức đỉnh nhưng vẫn cao hơn đáng kể cùng kỳ năm ngoái.

1 Sản xuất

Báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến hết tháng 6 năm nay, cả nước thu hoạch 3,48 triệu ha lúa, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái; năng suất bình quân 67,1 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha; sản lượng trên diện tích đã thu hoạch đạt 23,3 triệu tấn, tăng 1,6%.

Còn theo Tổng cục Thống kê, năng suất lúa Đông Xuân của cả nước năm nay ước đạt 68,8 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước. Sản lượng lúa vụ đông xuân năm nay ước đạt 20,32 triệu tấn, tăng 132,5 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm trước.

Cùng với việc thu hoạch vụ Đông Xuân, tính đến trung tuần tháng 6/2024, các địa phương

trên cả nước đã xuống giống được 1.825,4 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 98,3% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.419,3 nghìn ha, bằng 97,8%. Nguyên nhân diện tích gieo trồng lúa hè thu giảm so cùng kỳ do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng, mưa đến muộn, thiếu nước tưới nên tiến độ xuống giống muộn. Đến nay, có 196 nghìn ha lúa Hè thu sớm tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long cho thu hoạch, bằng 84% cùng kỳ năm trước.

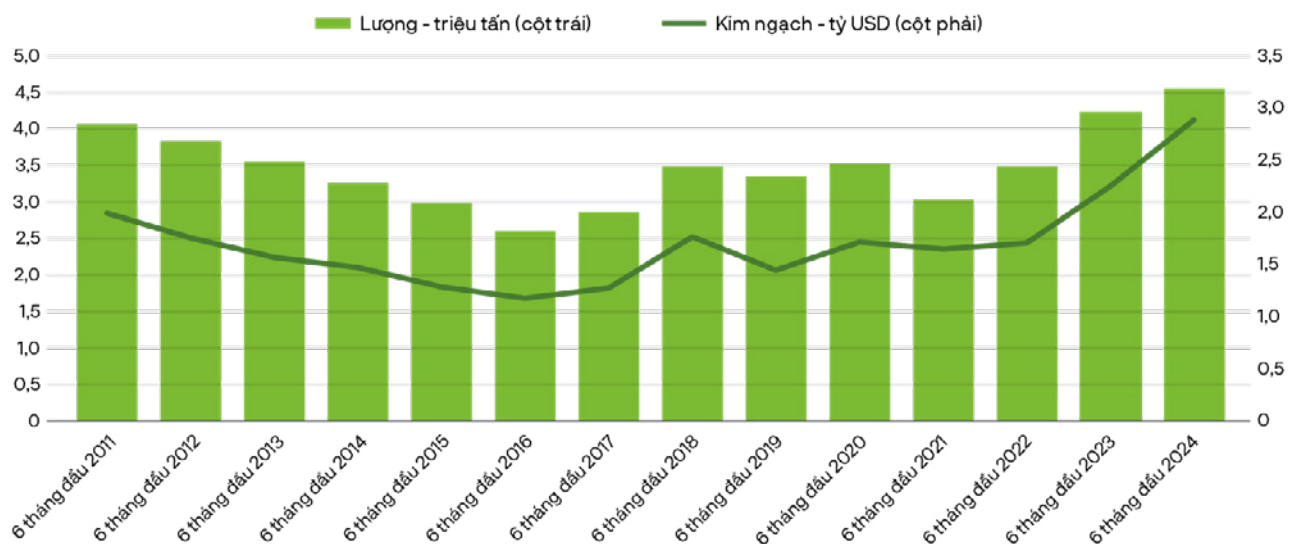
2 Xuất khẩu

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý II đạt gần 2,4 triệu tấn, trị giá 1,46 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và 2,4% về trị giá so với quý I, còn so với cùng kỳ năm ngoái giảm nhẹ 0,6% về lượng nhưng tăng tới 14,7% về trị giá.

Tính chung 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo đạt kỷ lục 4,55 triệu tấn, với trị giá thu về gần 2,9 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng, tăng 28,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 6).

Biểu đồ 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm từ 2011-2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Trong 6 tháng đầu năm, Philippines tiếp tục là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 42,6% trong tổng lượng và chiếm 41,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt hơn 1,9 triệu tấn, trị giá gần 1,2 tỷ USD, tăng 14,3% về lượng và 40,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023 (**Biểu đồ 7**).

Xuất khẩu gạo sang thị trường đứng thứ hai là Indonesia cũng tăng mạnh 44,6% về lượng và 82,6% về trị giá, đạt 712.438 tấn, trị giá 444,4 triệu USD, chiếm trên 15% thị phần xuất khẩu gạo của Việt Nam trong nửa đầu năm (**Bảng 2**).

Tiếp đến, xuất khẩu gạo sang thị trường Malaysia đạt 461.555 tấn, tương đương 274,7 triệu USD, tăng 136,5% về lượng và 188,6% về trị giá, chiếm 10,2% trong tổng lượng và chiếm 9,5% trong tổng kim ngạch.

Ngoài các thị trường kể trên, lượng gạo xuất khẩu sang Singapore cũng tăng 44,1% trong 6 tháng đầu năm, Mozambique tăng 31,9%, UAE tăng 10%...

Ngược lại, xuất khẩu sang Ghana giảm 7,8%, Bờ Biển Ngà giảm 2,4%, đặc biệt Trung Quốc giảm 68,3%,...

Với thị trường Trung Quốc, một số doanh

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 và 2024

Đơn vị: % theo khối lượng.
Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



	6 tháng đầu 2023 (Vòng trong)	6 tháng đầu 2024 (Vòng ngoài)
Philippines	40,0%	42,6%
Indonesia	11,6%	15,7%
Malaysia	4,6%	10,1%
Ghana	6,5%	5,5%
Trung Quốc	16,0%	4,7%
Thị trường khác	21,3%	21,3%

nh nghiệp cho biết nửa đầu năm nay nước này chỉ mua gạo ST24, ST25 và nếp và không nhập gạo phổ thông như trước. Nguyên nhân được khách hàng đưa ra là do giá cao và nguồn dự trữ gạo của Trung Quốc vẫn đáp ứng được ở phân khúc này.

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Thị trường xuất khẩu	6 tháng đầu năm 2024		So với 6 tháng đầu năm 2023		Thị phần theo khối lượng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Trị giá (%)	Lượng (%)	6 tháng đầu năm 2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024 (%)
Tổng	4.548.110	2.888.072	▲ 7,4	▲ 28,1	100,0	100,0
Philippines	1.938.086	1.205.911	▲ 14,3	▲ 40,9	40,0	42,6
Indonesia	712.438	444.413	▲ 44,6	▲ 82,6	11,6	15,7
Malaysia	461.555	274.718	▲ 136,5	▲ 188,6	4,6	10,1
Ghana	252.205	176.444	▼ 7,8	▲ 14,3	6,5	5,5
Trung Quốc	214.592	125.697	▼ 68,3	▼ 67,8	16,0	4,7
Bờ Biển Ngà	211.830	132.145	▼ 2,4	▲ 24,5	5,1	4,7
Singapore	91.600	59.745	▲ 44,1	▲ 62,9	1,5	2,0

Thị trường xuất khẩu	6 tháng đầu năm 2024		So với 6 tháng đầu năm 2023		Thị phần theo khối lượng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Trị giá (%)	Lượng (%)	6 tháng đầu năm 2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024 (%)
Mozambique	53.860	37.105	▲ 31,9	▲ 63,6	1,0	1,2
UAE	28.669	20.966	▲ 10,0	▲ 28,7	0,6	0,6
Campuchia	28.424	18.510	▼ 3,6	▼ 0,9	0,7	0,6
Hong Kong	22.547	15.671	▼ 38,0	▼ 26,8	0,9	0,5
Ả Rập Xê Út	20.443	15.451	▲ 24,3	▲ 45,5	0,4	0,4
Australia	16.198	13.210	▲ 10,0	▲ 23,9	0,3	0,4
Mỹ	14.887	13.050	▼ 9,0	▲ 8,1	0,4	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	14.425	9.171	▲ 50,7	▲ 49,6	0,2	0,3
Ukraine	10.397	6.625	▲ 3.853,2	▲ 3.330,1	0,0	0,2
Đài Loan	9.167	5.849	▼ 60,9	▼ 53,9	0,6	0,2
Hà Lan	6.928	5.972	▼ 11,9	▲ 11,9	0,2	0,2
Ba Lan	6.396	4.737	▼ 4,9	▲ 9,6	0,2	0,1
Tanzania	5.455	3.992	▼ 53,4	▼ 46,9	0,3	0,1
Nga	4.920	3.702	▲ 36,7	▲ 72,6	0,1	0,1
Nam Phi	4.165	3.101	▼ 10,0	▲ 3,4	0,1	0,1
Pháp	2.603	2.130	▲ 43,3	▲ 58,7	0,0	0,1
Senegal	1.419	1.025	▼ 88,1	▼ 79,5	0,3	0,0
Tây Ban Nha	1.034	836	▼ 61,8	▼ 57,8	0,1	0,0
Angola	674	616	▼ 15,6	▲ 42,3	0,0	0,0
Chile	430	269	▼ 93,9	▼ 91,7	0,2	0,0
Bangladesh	334	264	▼ 20,3	▼ 17,2	0,0	0,0
Bỉ	275	142	▼ 91,1	▼ 90,8	0,1	0,0
Iraq	152	132	▼ 53,2	▼ 37,7	0,0	0,0
Brunei	65	62	▼ 77,0	▼ 58,1	0,0	0,0
Thị trường khác	411.937	286.410	▲ 20,0	▲ 40,2	8,1	9,1

3 Diễn biến giá

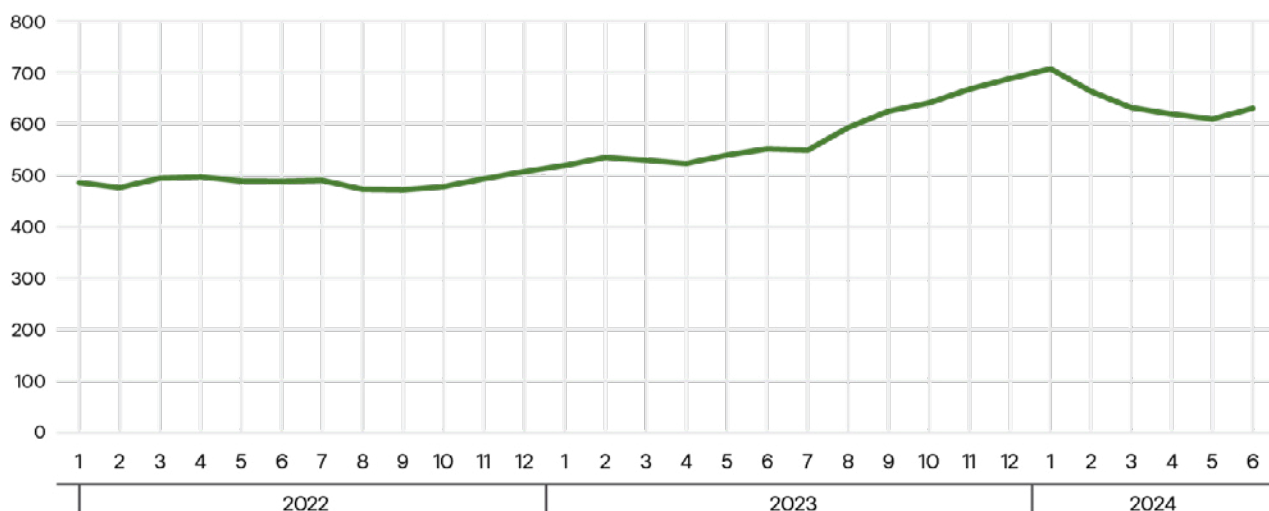
Trong quý II, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 618 USD/tấn, giảm 5,6% so với quý I song tăng 15,4% so với quý II năm 2023. Nếu so với giá đỉnh đạt được vào tháng 1 năm nay thì giá gạo giao dịch của Việt Nam trên thị trường thế giới những tháng gần đây có giảm nhưng mặt bằng chung vẫn cao hơn các năm (**Biểu đồ 8**).

Tính chung trong 6 tháng đầu năm, giá gạo xuất khẩu đạt 635 USD/tấn, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại thị trường trong nước, giá lúa gạo ở khu vực ĐBSCL đã giảm từ 5 – 10% vào quý II năm nay. Như vậy, tính đến cuối tháng 6 đầu tháng 7, giá lúa gạo nội địa đã giảm khoảng 15 – 25% so với đầu năm, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái giá lúa vẫn đang cao hơn từ 5 – 8% và giá gạo là 13 – 15% (**Bảng 3**).

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 7/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 4/7/2024	So sánh tăng/giảm					
		So với 1 tháng trước		So với đầu năm 2024		So với cùng kỳ 2023	
		đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg	%
Lúa thường tại ruộng	6.971	▼ 1,7	▼ 118	▼ 24,9	▼ 2.315	▲ 4,5	▲ 303
Lúa thường tại kho	8.617	▲ 0,5	▲ 42	▼ 18,5	▼ 1.950	▲ 7,8	▲ 625
Lứt loại 1	10.975	▼ 3,7	▼ 417	▼ 21,5	▼ 3.000	▲ 6,6	▲ 675
Xát trắng loại 1	12.917	▼ 6,0	▼ 823	▼ 21,2	▼ 3.471	▲ 15,1	▲ 1.692
5% tấm	13.171	▼ 2,6	▼ 350	▼ 15,0	▼ 2.322	▲ 14,3	▲ 1.650
15% tấm	12.908	▼ 2,9	▼ 384	▼ 9,4	▼ 1.334	▲ 14,3	▲ 1.616
25% tấm	12.492	▼ 3,3	▼ 425	▼ 16,5	▼ 2.466	▲ 12,9	▲ 1.425
Tấm 1/2	9.664	▼ 8,0	▼ 836	▼ 19,4	▼ 2.329	▲ 1,4	▲ 132
Cám xát/lau	7.000	▼ 2,7	▼ 192	▲ 5,5	▲ 364	▼ 7,1	▼ 532

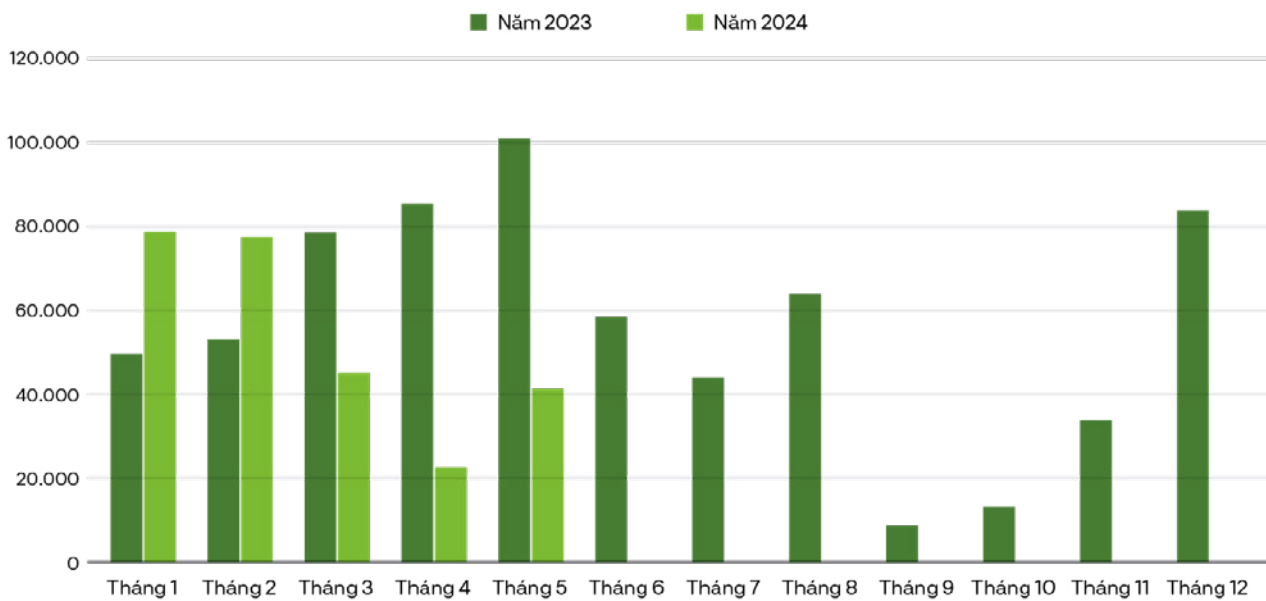
4 Tình hình nhập khẩu

Số liệu từ Bộ Thương Mại Ấn Độ cho thấy, trong 5 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 41.317 tấn gạo từ Ấn Độ với trị giá 18,6 triệu USD, giảm 59% về lượng và 44,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 9**).

Tính chung 5 tháng đầu năm, nhập khẩu đạt 265.117 tấn, trị giá 113,6 triệu USD, so với cùng kỳ năm ngoái lượng nhập khẩu giảm 27,9% và trị giá giảm 4,7%. Trong đó, hơn 85% khối lượng (tương ứng 226.261 tấn) gạo nhập khẩu từ Ấn Độ về Việt Nam là gạo lứt. Hiện Việt Nam đang là khách hàng lớn thứ 9 của ngành gạo Ấn Độ.

Biểu đồ 9: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2023-2024

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ.



Phần III:

Dự báo



Những thông tin gần đây cho thấy, Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới nhiều khả năng sẽ nới lỏng các biện pháp hạn chế xuất khẩu trong những tháng cuối năm nay. Động thái này của Ấn Độ được cho là sẽ tác động mạnh đến thương mại gạo toàn cầu và khiến giá của mặt hàng này tiếp tục hạ nhiệt trong thời gian tới.

Do đó, chúng tôi cho rằng mặt bằng giá gạo xuất khẩu và nội địa Việt Nam trong nửa cuối năm 2024 sẽ thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu gạo dự kiến sẽ vẫn thuận lợi do chủng loại và phân khúc thị trường tiêu thụ của Việt Nam không cạnh tranh trực tiếp với Ấn Độ.

Việc Philippines, giảm thuế nhập khẩu gạo từ 35% xuống còn 15% đối với cả gạo trong và ngoài hạn ngạch cho đến năm 2028 dự kiến sẽ thúc đẩy hoạt động nhập khẩu của nước này. Đây là cơ hội cho các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, bao gồm Việt Nam – nước xuất khẩu gạo lớn nhất vào Philippines, chiếm hơn 80% thị phần vào năm ngoái.

Còn tại Indonesia, sản lượng gạo của nước này từ tháng 1 đến tháng 8 năm nay ước tính giảm 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia (Bapanas) dự đoán rằng Chính phủ có thể sẽ phải nhập khẩu tới 5 triệu tấn gạo trong năm nay, đây sẽ là một con số kỷ lục. Tuy nhiên, cho đến nay mới có 3,6 triệu tấn hạn ngạch được cấp cho việc nhập khẩu gạo ■

Phần IV:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



Mặc dù kết quả kinh doanh những tháng đầu năm chưa được như kỳ vọng nhưng nhìn chung các doanh nghiệp ngành gạo đều khá lạc quan về triển vọng kinh doanh trong năm 2024.

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG):



Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 diễn ra vào cuối tháng 6 vừa qua, Tập đoàn Lộc Trời đã chốt mục tiêu

lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 50 tỷ đồng, gấp 3,1 lần so với cùng kỳ, nhưng thấp hơn nhiều so với mức lãi hàng trăm tỷ đồng các năm trước đó.

Ngoài ra, cổ đông Lộc Trời cũng thông qua kế hoạch chuyển niêm yết cổ phiếu từ UPCoM sang sàn HOSE trong năm 2024.

Tổng Giám đốc Nguyễn Duy Thuận cho biết doanh thu năm nay dự kiến 20.000 - 24.000 tỷ đồng từ xuất khẩu gạo và các hoạt động khác. Từ giờ đến cuối năm sẽ ký được các hợp đồng xuất khẩu gạo tương đương 400 triệu USD.

Về phân phối lợi nhuận, công ty dự kiến trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu. Lộc Trời theo đó sẽ phát hành thêm 30,2 triệu cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là 30% và tăng vốn điều lệ lên trên 1.300 tỷ đồng.

HĐQT cũng trình kế hoạch chi trả cổ tức 30% lợi nhuận sau thuế mỗi năm bằng hình thức cổ phiếu cho giai đoạn 2024-2025. Công ty sẽ không chia tiền mặt đến hết năm 2025 (lần trả cổ tức tiền mặt gần nhất là vào tháng 10/2022 đối với phần cổ tức của năm 2021). Lộc Trời đang có khoản vay với Ngân hàng FMO (Hà

Lan), phía ngân hàng yêu cầu cam kết chia cổ tức bằng cổ phiếu trong cả năm 2024 và 2025.



TRUNG AN®

CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An đã nghị quyết thông qua kế hoạch kinh doanh với mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất 3.100 tỷ đồng và lãi sau thuế 31 tỷ đồng.

Theo kết quả kinh doanh hợp nhất quý I/2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty đạt 715,4 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế chỉ 2,7 tỷ đồng, giảm tới 68% so với cùng kỳ 2023.

Như vậy, kết thúc quý I, TAR thực hiện được hơn 23% chỉ tiêu doanh thu nhưng mới đạt 9% mục tiêu lợi nhuận của năm.

Trước đó, năm 2023, BCTC hợp nhất của TAR ghi nhận lỗ ròng gần 16 tỷ đồng, trong khi năm 2022 lãi hơn 68 tỷ đồng, do áp lực từ chi phí tăng cao và lỗ tỷ giá. Đáng chú ý, đây cũng là lần đầu tiên doanh nghiệp này báo lỗ kể từ khi niêm yết (2019).



CTCP Tập đoàn PAN Group (Mã: PAN):

THE PAN GROUP

Ngày 18/6, Tạp chí *Fortune* đã công bố danh sách Fortune Southeast Asia 500 năm 2024, lần đầu tiên đưa ra danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á dựa theo doanh thu của năm tài chính 2023. Bảng xếp hạng năm nay có

sự góp mặt của các tập đoàn hàng đầu đến từ 7 quốc gia trong khu vực gồm Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Việt Nam, Philippines, và Campuchia.

Ở lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, Tập đoàn PAN là một trong 70 doanh nghiệp Việt Nam có tên trong bảng xếp hạng uy tín này. *Fortune* ghi nhận năm 2023 doanh thu thuần của Tập đoàn PAN đạt 554 triệu USD, tương ứng 13.205 tỷ đồng. Với lợi thế về các sản phẩm chế biến sâu, định hướng phân khúc cao, biên lợi nhuận lớn đã giúp Tập đoàn PAN vượt kế hoạch lợi nhuận trong năm 2023, vốn được đánh giá có nhiều “cơn gió ngược” với nền kinh tế Việt Nam.

Nhìn lại giai đoạn 2019-2023, tập đoàn có sự tăng trưởng đều đặn và ổn định với doanh thu

tăng từ 7.812 tỷ đồng năm 2019 lên 13.204 tỷ đồng vào năm 2023, gấp 1,7 lần. Tương tự, lợi nhuận sau thuế của PAN cũng đồng pha, đạt 817 tỷ đồng vào năm 2023, gần gấp đôi so với năm 2019. Tốc độ tăng trưởng kép (CARG) trung bình đạt 16%/năm.

Bên cạnh những con số về quy mô doanh thu, lợi nhuận, sự góp mặt của PAN trong danh sách của *Fortune* cũng gây ấn tượng với các dự án phát triển bền vững đang được triển khai như “Chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tại khu vực ĐBSCL”; “Nâng cao thu nhập người trồng lúa” gắn với đề án quốc gia “1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”... ■

Phần V:

Chính sách



Việt Nam và Philippines nhất trí thiết lập liên minh ngành lúa gạo

Ngày 9/7, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Lê Minh Hoan đã hội đàm với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Philippines Francisco Tiu Laurel Jr. Hai bên nhất trí thành lập liên minh ngành lúa gạo, hướng đến việc chuyển đổi từ quan hệ thương mại sang quan hệ đối tác đầu tư trong ngành hàng này.

Tại cuộc gặp, Bộ trưởng Lê Minh Hoan cho biết trong bối cảnh mới hiện nay với những biến động của thị trường thế giới, biến chuyển của thị hiếu tiêu dùng và biến đổi khí hậu ngày một rõ nét, ngành lúa gạo Việt Nam đã và đang có sự chuyển mình mạnh mẽ trong cả sản xuất, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Việt Nam tập trung nâng cao chất lượng ngành lúa gạo, giảm chi phí đầu vào, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và mở rộng thị trường tiêu thụ, tiến tới xây dựng thương hiệu gạo bền vững trên thị trường quốc tế.

Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023, Việt Nam xuất khẩu 8,13 triệu tấn gạo với trị giá 4,67 tỷ USD. Trong nửa đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 4,68 triệu tấn gạo, đạt giá trị 2,98 tỷ USD. Philippines là thị trường lớn nhất của gạo Việt Nam, chiếm 35 - 40% tổng lượng xuất khẩu.

Bộ trưởng Francisco Tiu Laurel Jr đánh giá cao sự phát triển và những mô hình sản xuất tiên tiến của Việt Nam. Ông cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2024, Philippines nhập khẩu 2,17 triệu tấn gạo, trong đó có 1,59 triệu tấn từ Việt Nam. Philippines luôn xem Việt Nam là nguồn cung cấp gạo lớn nhất trong nhiều thập kỷ qua.

Do đó, Bộ trưởng Francisco đề xuất việc thành lập liên minh ngành lúa gạo nhằm chuyển đổi từ quan hệ thương mại sang hợp tác đầu tư. Điều này sẽ giúp Philippines học hỏi và áp dụng công nghệ sản xuất lúa gạo tiên tiến từ Việt Nam, hướng đến sản xuất bền vững và giảm chi phí.

Bộ trưởng Lê Minh Hoan đồng ý với đề xuất này và hy vọng rằng việc hợp tác sẽ giúp tối ưu hóa chuỗi sản xuất lúa gạo của cả hai nước, đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực.

Philippines chính thức giảm thuế nhập khẩu gạo xuống còn 15%

Theo Thương vụ Việt Nam tại Philippines, ngày 20/6, Tổng thống Philippines Ferdinand R. Marcos, JR., đã ban hành Sắc lệnh số 62, theo đó sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng. Đối với mặt hàng gạo, thuế nhập khẩu từ mức 35% sẽ cắt giảm xuống còn 15%, thời gian áp dụng tới năm 2028.

Đây có thể được coi là động thái mới nhất của Chính phủ Philippines nhằm đối phó với tình trạng lạm phát, đặc biệt là giá mặt hàng gạo có xu hướng tăng cao liên tục trên thị trường kể từ đầu năm tới nay.

Trong quý I, tình hình kinh tế Philippines tương đối ổn định, ngoại trừ sự tăng giá của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, đặc biệt là mặt hàng gạo, với mức tăng trong quý I/2024 vào khoảng 24,4%. Giá gạo chiếm mức khoảng 9% trong chỉ số giá tiêu dùng (CPI – Consumer Price Index) của Philippines.

Thời điểm có hiệu lực của Sắc lệnh số 62 là 30 ngày kể từ ngày đăng công báo, đối với thuế nhập khẩu gạo, thời điểm áp dụng là sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Như vậy, thời

điểm áp dụng mức thuế nhập khẩu gạo mới của Philippines dự kiến vào đầu tháng 8/2024.

Trong những năm qua, Việt Nam luôn là đối tác xuất khẩu gạo lớn nhất, luôn chiếm trên 80% tổng lượng gạo nhập khẩu vào thị trường Philippines. Có một số ý kiến cho rằng việc Philippines cắt giảm thuế nhập khẩu gạo sẽ tạo thêm thuận lợi và gia tăng cơ hội cho gạo Việt Nam tại thị trường Philippines ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo quý II/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý I/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 4/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 5/2024

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp** Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang
Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999
Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP